**PHỤ LỤC SỐ 01**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 01/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | | | | | | | | | | |
| | **Tổng số** | | **10,616,434.6** | **2,842,709.0** | **5,536,654.224** | **8,379,363.224** | **345,140.842** | **2,928,804.579** | **5,105,417.803** | |
| | | | | | | | | | | |
| **I** | **Cấp tỉnh đầu tư** | | **9,203,119.6** | **2,842,709.0** | **4,652,795.224** | **7,495,504.224** | **345,140.842** | **2,928,804.579** | **4,221,558.803** | |
| **I.1** | **Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn** | | **2,434,039.0** | **2,434,039.0** | **-354,500.000** | **2,079,539.000** | **134,572.605** | **1,944,966.395** | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1/2 tuyến bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba đầu Rồng) | 1966; 15/9/2023 | 564,050.0 | 564,050.0 | -170,000.000 | 394,050.000 | 73,390.667 | 320,659.333 | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Kinh Môn và đường dẫn nối nút giao lập thể với Quốc lộ 5 | 2461; 02/11/2023 | 600,000.0 | 600,000.0 | -40,000.000 | 560,000.000 | 61,181.938 | 498,818.062 | | |
| 3 | Xây dựng đường dẫn cầu Cậy mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương | 2475, 03/11/2023 | 469,478.0 | 469,478.0 | -30,000.000 | 439,478.000 | | 439,478.000 | | |
| 4 | Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh | 433; 17/3/2023 | 421,189.0 | 421,189.0 | -14,500.000 | 406,689.000 | | 406,689.000 | | |
| 5 | Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) | 394; 16/02/2024 | 379,322.0 | 379,322.0 | -100,000.000 | 279,322.000 | | 279,322.000 | | |
| | | | | | | | | | | |
| **I.2** | **Bổ sung tăng kế hoạch vốn** | | **1,104,190.0** | **408,670.0** | **712,520.000** | **1,121,190.000** | **210,568.237** | **893,621.763** | **17,000.000** | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+600 | 278; 21/02/2023 | 257,770.0 | 257,770.0 | 17,000.000 | 274,770.000 | 69,398.000 | 188,372.000 | 17,000.000 | Bổ sung đoạn từ Km28+600 đến QL10 (khoảng 700 m) |
| 2 | Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390) | 1969; 15/9/2023 | 846,420.0 | 150,900.0 | 695,520.000 | 846,420.000 | 141,170.237 | 705,249.763 | | |
| | | | | | | | | | | |
| **I.3** | **Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn** | | **5,664,890.6** | | **4,294,775.224** | **4,294,775.224** | | **90,216.421** | **4,204,558.803** | |
| ***(1)*** | ***Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng*** | | ***1,238,852.6*** | | ***8,737.224*** | ***8,737.224*** | | ***1,651.421*** | ***7,085.803*** | |

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn Km8+738-Km10+788, huyện Bình Giang | 4510, 25/12/2009; 262, 03/02/2012 | 39,178.0 | | 342.944 | 342.944 | | 342.944 | | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp đường 392 (20A) đoạn Km2+488-Km6, huyện Bình Giang | 4013, 21/11/2006; 2447, 04/7/2008; 2778, 20/10/2010 | 23,479.8 | | 79.690 | 79.690 | | 79.690 | | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp đường 17 (Ngã ba Chè - Ngã ba Nấu Khê), huyện Nam Sách | 3982, 01/10/2003; 1891, 25/5/2006; 3530, 03/10/2008 | 11,443.0 | | 29.805 | 29.805 | | 29.805 | | |
| 4 | Đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn | 3325, 31/10/2017; 70, 08/01/2020; 3347, 06/11/2020 | 100,400.0 | | 522.814 | 522.814 | | 522.814 | | |
| 5 | Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390 | 3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020 | 1,045,686.0 | | 114.232 | 114.232 | | 114.232 | | |
| 6 | Xây dựng, cải tạo kho chứa thuốc bảo vệ thực vật tại xã Cao An, huyện Cẩm Giàng | 4009; 31/10/2018 | 5,850.0 | | 49.653 | 49.653 | | 49.653 | | |
| 7 | Xây dựng công trình phòng chống cháy rừng tỉnh Hải Dương | 2108/QĐ-KHĐT-NN ngày 17/11/2010 | 1,815.8 | | 512.283 | 512.283 | | 512.283 | | |
| 8 | Xử lý gia cố mái, nạo vét kênh T1 - Trạm bơm Thanh Quang, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách | 965; 26/3/2021 | 11,000.0 | | 7,085.803 | 7,085.803 | | | 7,085.803 | |
| | | | | | | | | | | |
| ***(2)*** | ***Khởi công mới dự án*** | | ***4,426,038.0*** | | ***4,286,038.000*** | ***4,286,038.000*** | | ***88,565.000*** | ***4,197,473.000*** | |
| 1 | Xây mới các khối nhà: cấp cứu, nghiệp vụ kỹ thuật và cận lâm sàng; nghiệp vụ kỹ thuật, cận lâm sàng và nội trú; khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú, Bệnh viện Đa khoa tỉnh | | 736,800.0 | | 736,800.000 | 736,800.000 | | | 736,800.000 | |

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung hệ thống PCCC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh | | 375,400.0 | | 375,400.000 | 375,400.000 | | | 375,400.000 | |
| 3 | Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện tâm thần và 04 Trung tâm y tế cấp huyện (thành phố Chí Linh; Kinh Môn; Kim Thành; Thanh Hà) | | 54,000.0 | | 54,000.000 | 54,000.000 | | | 54,000.000 | |
| 4 | Đường vành đai thị trấn Cẩm Giang và đường nối Quốc lộ 38 với Khu công nghiệp VSIP | | 990,000.0 | | 990,000.000 | 990,000.000 | | | 990,000.000 | |
| 5 | Cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật, cây xanh, vỉa hè đường Trường Chinh, đại lộ Võ Nguyên Giáp trên địa bàn thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc | | 88,565.0 | | 88,565.000 | 88,565.000 | | 88,565.000 | | |
| 6 | Xây dựng trụ sở Ban Quản lý rừng | | 17,200.0 | | 17,200.000 | 17,200.000 | | | 17,200.000 | |
| 7 | Đường tránh Quốc lộ 37 đoạn qua thị trấn Gia Lộc (đoạn nối cầu Thống Nhất/Quốc lộ 37 với đường vành đai I thành phố Hải Dương) | | 682,392.0 | | 682,392.000 | 682,392.000 | | | 682,392.000 | |
| 8 | Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393 đoạn từ Km10+180-Km20+050 (từ cống Ba Đa đến cầu Từ Ô) | | 176,000.0 | | 176,000.000 | 176,000.000 | | | 176,000.000 | Không bao gồm GPMB (Công tác GPMB do UBND huyện Thanh Miện chịu trách nhiệm thực hiện) |
| 9 | Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Dinh, thị xã Kinh Môn | | 190,000.0 | | 190,000.000 | 190,000.000 | | | 190,000.000 | Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (Bn=12m) |
| 10 | Cải tạo, tu bổ núi Mâm Xôi và Hồ phía Bắc đền Kiếp Bạc, thành phố Chí Linh | | 193,000.0 | | 193,000.000 | 193,000.000 | | | 193,000.000 | |
| 11 | Xây dựng nhà bảo tàng Trần Hưng Đạo | | 85,000.0 | | 85,000.000 | 85,000.000 | | | 85,000.000 | |
| 12 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Hải Dương năm 2024, 2025 | | 31,250.0 | | 31,250.000 | 31,250.000 | | | 31,250.000 | |

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 13 | Xây dựng trung tâm bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Hải Dương | | 40,000.0 | | 40,000.000 | 40,000.000 | | | 40,000.000 | |
| 14 | Đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở Hội người mù tỉnh Hải Dương | | 14,831.0 | | 14,831.000 | 14,831.000 | | | 14,831.000 | |
| 15 | Đường gom dọc Quốc lộ 5 phải tuyến từ ngã tư Ghẽ đi Ngã tư Lai Cách (Km40+240-Km43+870) các đoạn còn lại và từ Khu đô thị thương mại Lai Cách đến hết Công ty giầy Cẩm Bình bên trái tuyến (Km44+205-Km44+795) | | 370,000.0 | | 370,000.000 | 370,000.000 | | | 370,000.000 | |
| 16 | Đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường 62m đến Khu công nghiệp Đại An mở rộng | | 200,000.0 | | 60,000.000 | 60,000.000 | | | 60,000.000 | Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (hoàn thành giai đoạn sau năm 2025) |
| 17 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Thái Bình đoạn từ K9+600 - K13+279 địa bàn huyện Cẩm Giàng | | 75,000.0 | | 75,000.000 | 75,000.000 | | | 75,000.000 | |
| 18 | Xây dựng 03 trường THPT tỉnh Hải Dương (trường THPT Hà Đông huyện Thanh Hà; THPT Cẩm Giàng 2 huyện Cẩm Giàng; THPT Kim Thành huyện Kim Thành) | | 85,000.0 | | 85,000.000 | 85,000.000 | | | 85,000.000 | |
| 19 | Nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật công nghệ phát thanh, truyền hình | | 21,600.0 | | 21,600.000 | 21,600.000 | | | 21,600.000 | |
| | | | | | | | | | | |
| **II** | **Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và giao cấp huyện thực hiện** | | **1,413,315.0** | | **883,859.000** | **883,859.000** | | | **883,859.000** | |
| 1 | Xây dựng cầu Kim Liên - Kim Tân và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường huyện Kim Lương - Liên Hòa, huyện Kim Thành | | 74,917.0 | | 60,000.000 | 60,000.000 | | | 60,000.000 | Phần còn lại ngân sách huyện đầu tư |
| 2 | Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải phòng đoạn qua huyện Kim Thành | | 425,893.0 | | 212,946.500 | 212,946.500 | | | 212,946.500 | Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư |

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 3 | Xây dựng đường vành đai II thành phố Hải Dương, đoạn từ Quốc lộ 38B đến địa phận huyện Bình Giang, huyện Gia Lộc | | 416,205.0 | | 208,102.500 | 208,102.500 | | | 208,102.500 | Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư) |
| 4 | Đầu tư hạ tầng tại các vùng sản xuất nông nghiệp | | 98,300.0 | | 68,810.000 | 68,810.000 | | | 68,810.000 | Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư |
| 4.1 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất thuộc xã An Thanh và Quang Trung, huyện Tứ Kỳ (Tại xã An Thanh: Cải tạo, nâng cấp cống Đa vang dưới đê Hữu Thái Bình, xây dựng 04 cống trên kênh Đa vang, 01 cống trên kênh cống Mầm, 02 cống trên nhánh kênh Sồi. Tại xã Quang Trung: Xây dựng 01 tuyến đường giao thông nội đồng dài 1,5km, xây dựng 05 cống trong trong vùng khai thác rươi cáy) | | 35,000.0 | | 24,500.000 | 24,500.000 | | | 24,500.000 | |
| 4.2 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang huyện Thanh Hà (Tại xã Vĩnh Lập: Xây dựng thay thế cống Thuần B; cải tạo đoạn kênh T2-3.KT1 đoạn từ cống Thuần B đến cống Đá Tú, cải tạo đoạn kênh nhánh của tuyến T2-3.KT1, cải tạo tuyến đường ven kênh và cải tạo tuyến đường nội vùng. Tại xã Thanh Quang: Bê tông hóa mặt đường nội vùng với tổng chiều dài là 3.170 m) | | 35,300.0 | | 24,710.000 | 24,710.000 | | | 24,710.000 | |

| STT | Danh mục dự án | Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao | Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 | Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Tổng số | *Bao gồm* | | | |
| | | | | | | | Vốn phân bổ chi tiết | | Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất) | |
| | | | | | | | Nguồn XDCB tập trung | Nguồn thu sử dụng đất | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3+4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 4.3 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất thuộc phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (Tại thôn Tử Lạc phường Minh Tân: Cải tạo, nâng cấp 02 tuyến đường giao thông nội bộ 1.300 m và xây dựng 05 cống qua đường) | | 8,000.0 | | 5,600.000 | 5,600.000 | | | 5,600.000 | |
| 4.4 | Xây mới thay thế cống Ông Cận, trên kênh KT Ngọc Trì, thuộc địa phận xã Phú Điền Nam Sách | | 20,000.0 | | 14,000.000 | 14,000.000 | | | 14,000.000 | |
| 5 | Đầu tư xây dựng, hoàn thiện đường Trương Đỗ thuộc Quy hoạch hành chính tập trung tỉnh Hải Dương | | 270,000.0 | | 270,000.000 | 270,000.000 | | | 270,000.000 | |
| 6 | Mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách | | 128,000.0 | | 64,000.000 | 64,000.000 | | | 64,000.000 | Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư |
| | | | | | | | | | | |

**PHỤ LỤC SỐ 02**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Quyết định đầu tư | | Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 (nguồn thu sử dụng đất) |
|---|---|---|---|---|
| | | Số Quyết định; ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | |
| | **Tổng số** | | **3,714,901.8** | **152,651.421** |
| **I** | **Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng[(1)]** | | **1,227,852.6** | **1,651.421** |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn Km8+738-Km10+788, huyện Bình Giang | 4510, 25/12/2009; 262, 03/02/2012 | 39,178.0 | 342.944 |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp đường 392 (20A) đoạn Km2+488-Km6, huyện Bình Giang | 4013, 21/11/2006; 2447, 04/7/2008; 2778, 20/10/2010 | 23,479.8 | 79.690 |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp đường 17 (Ngã ba Chè - Ngã ba Nấu Khê), huyện Nam Sách | 3982, 01/10/2003; 1891, 25/5/2006; 3530, 03/10/2008 | 11,443.0 | 29.805 |
| 4 | Đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn | 3325, 31/10/2017; 70, 08/01/2020; 3347, 06/11/2020 | 100,400.0 | 522.814 |
| 5 | Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390 | 3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020 | 1,045,686.0 | 114.232 |
| 6 | Xây dựng, cải tạo kho chứa thuốc bảo vệ thực vật tại xã Cao An, huyện Cẩm Giàng | 4009; 31/10/2018 | 5,850.0 | 49.653 |
| 7 | Xây dựng công trình phòng chống cháy rừng tỉnh Hải Dương | 2108/QĐ-KHĐT-NN ngày 17/11/2010 | 1,815.8 | 512.283 |
| **II** | **Dự án chuyển tiếp** | | **44,725.3** | **10,000.000** |
| 1 | Trường THPT Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (địa điểm mới - giai đoạn 1)[(1)] | 3129, 31/10/2016; 395, 16/02/2024 | 44,725.3 | 10,000.000 |
| **III** | **Dự án khởi công mới** | | **2,442,323.9** | **141,000.000** |
| 1 | Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025 | 3140; 26/12/2023 | 167,698.8 | 80,000.000 |
| 2 | Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) | 394; 16/02/2024 | 379,322.0 | 30,000.000 |
| 3 | Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường UBND tỉnh | 219; 25/01/2024 | 14,000.0 | 13,000.000 |
| 4 | Cải tạo, sửa chữa trụ sở Báo Hải Dương | 424; 26/02/2024 | 14,303.1 | 13,000.000 |
| 5 | Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương | 428; 26/02/2024 | 1,867,000.0 | 5,000.000 |

[(1)]- Dự án bố trí vốn quá hạn theo quy định về thời gian bố trí vốn theo nhóm dự án.